

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Đăng Thúy

Ông Ngô Mạnh Hải

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Huy - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Bà Ngô Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện Gia Lâm, Tp Hà Nội nay là xóm 6, xã P, Tp Hà Nội. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 2003.

HKTT: khu phố X, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nay là khu phố X, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là chị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy T vào tháng 11/2024, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đình Bảng cũ nay là phường Từ Sơn. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau đó, vợ chồng chung sống với nhau cùng gia đình anh T tại khu phố Xuân Đài, phường Đình Bảng cũ. Quá trình chung sống đến ngày 10/02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về lối sống, vợ chồng thường xảy ra cãi cọ. Đến tháng 2/2025, chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống tại xóm 6 N, Gia Lâm, Tp Hà Nội, không quan hệ tình cảm vợ chồng, không nói chuyện gì với nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T, yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị N về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm. Từ ngày 15/02/2025 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống tại xóm 6 N, Gia Lâm, Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan hệ tình cảm. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Con chung: không có

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến làm việc lên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn chưa đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 58, 147, 232, 235, 238, 262, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án
đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Cho chị N được ly hôn với anh T.

Con chung: không có

Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Bị đơn là anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn là chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227; 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh T. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có Hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố X, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nay là khu phố X, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều

36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nay là Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau cùng gia đình anh T tại khu phố X, phường Đình Bảng cũ. Đến tháng 02 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hòa thuận, hạnh phúc. Chị N đã về nhà mẹ đẻ sống tại xóm 6, xã N, huyện Gia Lâm, Tp Hà Nội từ tháng 02 năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Anh T xác định quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không hòa thuận, thường xảy ra cãi cọ. Tháng 2/2025, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Gia Lâm, Hà Nội sinh sống cho đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định vợ chồng chị N, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị N, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 238, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết N

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004232 ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Bắc Ninh, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh,
- VKSND khu vực 7-Bắc Ninh
- Phòng THA dân sự khu vực 7- Bắc Ninh
- Các đương sự
- UBND phường Từ Sơn
- Lưu hồ sơ, VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn